

Số 394/TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua kết quả kinh doanh năm 2024 và phê chuẩn
Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 308/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Nghị quyết số 683/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2024 của Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 2024 Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp được kiểm toán năm bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (tài liệu đính kèm). Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2024 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 (VNĐ)	Thực hiện 2024 (VNĐ)	TH/KH 2024 (%)	Tăng trưởng (%)
I	Doanh thu bán hàng	2.548.000.000.000	2.582.751.253.436	101,4	15,7
1	Phí Bảo hiểm gốc	2.280.000.000.000	2.301.313.340.533	100,9	15,2
2	Phí nhận tái bảo hiểm	120.000.000.000	130.186.642.615	108,5	115,1
3	Doanh thu đầu tư tài chính	148.000.000.000	149.934.837.164	101,3	(13,1)
4	Thu nhập khác	Không giao	1.316.433.124		
II	Lợi nhuận trước thuế	226.000.000.000	256.144.304.898	113,3	(16,9)

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty đã được công bố theo quy định, đồng thời đăng tải trên Websites của công ty (<http://abic.com.vn>) bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, CSNS, VPTSC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Thông tin về Công ty

Giấy phép Kinh doanh
Bảo hiểm số

38/GP/KDBH

ngày 18 tháng 10 năm 2006

Giấy phép Kinh doanh Bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp, có hiệu lực từ ngày ký và đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 2 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Hải
Ông Lê Hồng Quân
Ông Đỗ Minh Hoàng
Ông Trần Anh Tuấn
Ông Hoàng Thanh Tùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Trương Đình Cánh
Ông Nguyễn Ngọc Kiên
Ông Kiều Gia Quý
Ông Dương Văn Thành

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)

(đến ngày 28 tháng 5 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Phong
Ông Quách Tả Khang
Ông Nguyễn Hồng Thái
Ông Nguyễn Đức Tuấn
Ông Đậu Ngọc Linh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Tiến Hải
Tổng Giám đốc Nguyễn Hồng Phong được Ông Nguyễn Tiến Hải ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 749/UQ-ABIC-TKPC ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Chủ tịch

Trụ sở đăng ký

Tầng 6, Tòa nhà chung cư 29T1, Đường Hoàng Đạo Thụy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

342
NG
HIỆP
KP
TƯ

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Chữ ký Ban Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2025





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00189-25-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2025

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3849-2022-007-1



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		4.180.315.820.249	3.781.278.301.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	152.298.936.107	116.835.358.585
1 Tiền	111		126.298.936.107	116.835.358.585
2 Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.157.247.291.700	3.004.247.291.700
1 Đầu tư ngắn hạn	121		3.157.247.291.700	3.004.247.291.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.297.029.009	235.272.160.869
1 Phải thu khách hàng	131	6	155.371.996.884	146.027.141.003
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		38.665.339.028	38.484.997.778
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		116.706.657.856	107.542.143.225
2 Trả trước cho người bán	132	7	32.580.161.125	8.590.148.026
4 Phải thu ngắn hạn khác	135	8	60.755.138.719	83.514.351.700
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(2.410.267.719)	(2.859.479.860)
IV. Hàng tồn kho	140		4.126.219.112	3.462.993.084
1 Hàng tồn kho	141		4.126.219.112	3.462.993.084
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		215.104.447.737	210.601.266.961
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	214.553.082.106	210.601.266.961
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		206.379.838.951	201.296.662.741
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		8.173.243.155	9.304.604.220
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.365.631	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	9	405.241.896.584	210.859.230.287
1 Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		172.279.621.267	136.365.299.822
2 Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		232.962.275.317	74.493.930.465

142-C
3 TY
CHAND
PM
LIEM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		160.019.042.880	176.314.221.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.194.703.249	10.978.415.162
4 Phải thu dài hạn khác	218	8	14.194.703.249	10.978.415.162
4.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	6.000.000.000
4.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		6.194.703.249	4.978.415.162
II. Tài sản cố định	220		131.407.973.616	140.432.759.289
1 Tài sản cố định hữu hình	221	12	69.352.955.007	75.682.325.285
- Nguyên giá	222		171.496.723.585	169.105.931.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.143.768.578)	(93.423.605.860)
3 Tài sản cố định vô hình	227	13	62.055.018.609	63.595.317.981
- Nguyên giá	228		69.343.773.826	70.121.617.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.288.755.217)	(6.526.299.027)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.155.116.023
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	58.302
3 Đầu tư dài hạn khác	258	5	-	58.302
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.416.366.015	24.902.988.898
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14.416.366.015	24.902.988.898
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.340.334.863.129	3.957.592.523.137

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

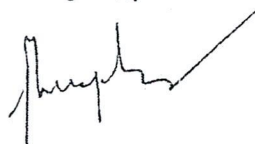
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.799.517.923.846	2.425.374.746.563
1. Nợ ngắn hạn	310		2.799.517.923.846	2.425.374.746.563
2. Phải trả cho người bán	312	14	300.855.016.266	236.072.496.013
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		294.090.006.737	225.770.354.689
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		6.765.009.529	10.302.141.324
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313		6.746.544.674	5.521.533.461
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	25.396.192.483	17.144.235.253
5. Phải trả người lao động	315		45.925.238.757	69.737.489.636
8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	16	27.589.647.440	20.087.856.047
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	56.900.243.541	48.466.814.695
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.2	18	297.276.146.278	248.008.310.958
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	76.403.010.712	70.900.179.390
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	20	1.962.425.883.695	1.709.435.831.110
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1.314.495.154.275	1.275.210.022.481
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		448.872.090.508	255.733.650.370
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		199.058.638.912	178.492.158.259
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.540.816.939.283	1.532.217.776.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.540.816.939.283	1.532.217.776.574
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		723.917.500.000	723.917.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.470.740.000	12.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10.052.400.000)	(13.898.400.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		418.433.188.964	418.433.188.964
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		72.391.750.000	63.873.025.044
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		319.656.160.319	327.892.462.566
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.340.334.863.129	3.957.592.523.137

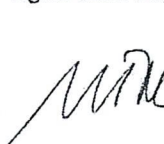
Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



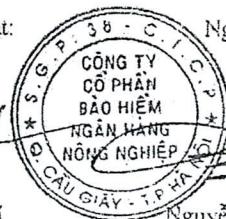
Lê Thị Thanh Huyền
Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Phong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	2.153.284.689.756	2.018.415.582.464
3 Doanh thu hoạt động tài chính	12	149.934.837.164	172.570.826.907
4 Thu nhập khác	13	1.316.433.124	299.753.954
5 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.458.854.349.051	1.301.434.416.692
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	110.810.581	33.131.920
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	588.722.150.970	581.255.014.961
9 Chi phí khác	24	704.344.544	452.926.926
10 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	256.144.304.898	308.110.672.826
11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	51.427.157.920	61.763.272.320
13 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	204.717.146.978	246.347.400.506
			Điều chỉnh lại
14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	2.005	2.589



Ngày 6 tháng 3 năm 2025

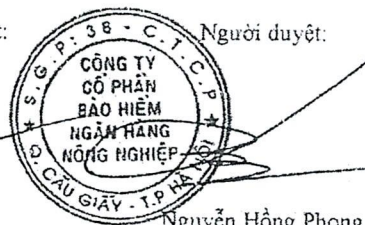
Người lập:

Lê Thị Thanh Huyền
Kế toán

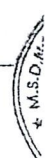
Người kiểm soát:

Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Phong
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	22	2.392.214.851.354	2.174.962.031.179
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		2.301.313.340.533	1.998.105.339.533
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		130.186.642.615	60.526.743.344
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng	01.3	20(b)	39.285.131.794	(116.329.948.302)
2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	23	338.937.596.302	227.317.164.012
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		374.851.917.747	267.871.988.436
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	02.2	20(b)	35.914.321.445	40.554.824.424
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		2.053.277.255.052	1.947.644.867.167
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		100.007.434.704	70.770.715.297
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	17	99.924.094.769	70.603.079.200
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		83.339.935	167.636.097
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		2.153.284.689.756	2.018.415.582.464
6 Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		780.472.947.085	726.611.355.919
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1	24	785.695.077.494	728.122.550.809
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2	24	5.222.130.409	1.511.194.890
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	93.213.258.200	63.265.173.939
8 Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	20(c)	193.138.440.138	11.651.637.076
9 Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	14	20(c)	158.468.344.852	19.699.338.906
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	24	721.929.784.171	655.298.480.150
11 Tăng dự phòng dao động lớn	16	20(d)	20.566.480.653	17.907.600.940
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	716.358.084.227	628.228.335.602
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		376.075.493.227	334.128.824.661
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		340.282.591.000	294.099.510.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

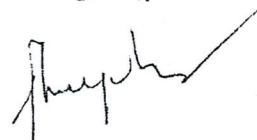
Mẫu B 02 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.458.854.349.051	1.301.434.416.692
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		694.430.340.705	716.981.165.772
18 Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	149.934.837.164	172.570.826.907
19 Chi phí hoạt động tài chính	24		110.810.581	33.131.920
20 Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		149.824.026.583	172.537.694.987
21 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	588.722.150.970	581.255.014.961
22 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		255.532.216.318	308.263.845.798
23 Thu nhập khác	31		1.316.433.124	299.753.954
24 Chi phí khác	32		704.344.544	452.926.926
25 Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		612.088.580	(153.172.972)
26 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		256.144.304.898	308.110.672.826
27 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	51.427.157.920	61.763.272.320
29 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		204.717.146.978	246.347.400.506
Điều chỉnh lại				
30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	29	2.005	2.589

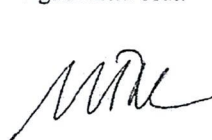
Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền
Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Phong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm và hoa hồng, các khoản thu bồi hoàn và thu từ các hoạt động kinh doanh khác	01	2.286.764.799.101	2.191.716.193.986
2. Tiền chi bồi thường bảo hiểm, chi hoa hồng và các khoản chi khác cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	02	(1.667.055.006.186)	(1.595.960.750.093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(263.215.993.393)	(226.959.822.586)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(45.649.677.914)	(66.805.612.210)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.330.651.735	14.093.433.305
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(175.858.603.607)	(158.953.036.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	160.316.169.736	157.130.405.973
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.123.176.678)	(22.329.356.822)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		819.516.363	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.466.954.283.421)	(1.636.559.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.313.954.341.723	1.428.108.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.510.384.799	150.945.765.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.206.782.786	(79.833.591.069)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	8.316.740.000	-
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(142.376.115.000)	(50.098.232.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(134.059.375.000)	(50.098.232.600)

3.1.1
 Y
 400 H
 IG
 5M-1

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

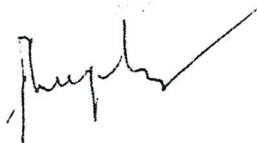
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	35.463.577.522	27.198.582.304
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	116.835.358.585	89.636.776.281
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	152.298.936.107	116.835.358.585

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Thị Thanh Huyền
 Kế toán

Người kiểm soát:



Phạm Minh Trí
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Phong
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này